

## Có một Nơi vẫn đợi ta về

Vừa qua, trong những ngày cuối tháng 8 năm 2004, tại nhà Thông tin Triển lãm tỉnh Hà Tây có một cuộc trưng bày 84 bức ảnh chuyên về cổng làng. Theo thống kê của Sở VH TT tỉnh, hiện Hà Tây có gần 1500 làng nhưng chỉ có hơn 100 làng là còn cổng làng! Trải bao biến động thăng trầm, đến nay năm tháng thời gian có lẽ cũng đủ cho chúng ta nhìn lại và nhìn rõ hơn những giá trị “Văn hoá làng” nói chung và “cổng làng” nói riêng. Triển lãm những bức ảnh “Cổng làng” của Hà Tây chưa đưa ra một phương án nào về việc bảo tồn hay tôn tạo những giá trị văn hoá còn lại này, song triển lãm như một khẳng định: Cổng làng là một nét văn hoá độc đáo trong kho tàng văn hoá nông thôn mà làng Việt Nam bấy lâu nay vẫn gìn giữ, vẫn tồn tại trong sâu thẳm tâm hồn người dân Việt Nam xa quê, xa xứ...

Có lẽ khó mà tìm ra một nguyên nhân cụ thể nào dẫn đến việc hình thành cổng của mỗi ngôi làng, nhưng có thể khẳng định một cách chắc chắn rằng: Cổng làng hình thành trong quá trình lập làng, tồn tại và phát triển trong quá trình định hình của các làng Việt Nam. Làng Việt Nam không đơn thuần chỉ là làng nông nghiệp (làm ruộng), làng của chúng ta đông về số lượng và đa dạng trong việc chuyên sâu các ngành nghề. Bên cạnh đó, điều kiện tự nhiên cũng chi phối một phần đáng kể, quyết định đến “cốt cách” của làng... Chính những điều kiện đó dẫn đến việc cổng của mỗi làng hoàn toàn không giống nhau (cả về hình thức cũng như nội dung), song tất cả đều có một điểm chung: Nơi đón nhận (mở ra) và lưu giữ (đóng lại) văn hoá truyền thống bên cạnh ý nghĩa vật chất mang tính cương vực hành chính và phòng vệ khu vực (địa phương).

Cổng làng đa phần án ngữ trên con đường chính dẫn vào làng, sát nách cổng kéo dài ra hai phía thường là những bụi tre gai trồng liền nhau và được chăm sóc rất chu đáo. Dân làng nếu có khai thác cũng không được phép bừa bãi. Những bụi tre này cùng với ao chuôm quanh làng tạo nên hào lũy, đây là bức tường thiên nhiên vô cùng bền vững và chắc chắn.

Làng Việt Nam được hình thành và phát triển trong tiến trình lịch sử, đó là lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc. Lịch sử Việt Nam có thể nói là một lịch sử giữ nước hào hùng, trong quá trình ấy mỗi làng Việt Nam như một pháo đài kiên cố chống các thế lực phong kiến, phản động. Trải hàng nghìn năm, làng cũng vì thế mà luôn được hoàn thiện. Mỗi làng có một cổng làng, mỗi cổng làng được xây dựng một kiểu, theo những nhu cầu khác nhau và còn tùy thuộc vào khả năng kinh tế của từng làng mà cổng có những qui mô khác nhau... Nhìn chung cổng làng Việt Nam có cấu trúc phòng vệ (bao hàm cả việc phòng chống trộm cướp). Theo thống kê, những cổng làng được xây dựng vào thế kỷ XV, XVI thường có kiểu kiến trúc “thượng gia hạ môn” (Trên là nhà, dưới là cổng). Có thể lấy cổng làng làng Mông Phụ, xã Đường Lâm, Sơn Tây làm ví dụ. Đây là một trong những chiếc cổng làng lâu năm nhất tỉnh Hà Tây còn sót lại. Kết cấu sườn mái như một kết cấu nhà gỗ cổ, có hoành xà, thượng lương, chông giường... Dưới

là tường xây đá ong và hai cánh cổng gỗ lim dày nặng, giờ đóng mở cổng phải tuân theo qui định của làng. Lùi vào phía trong có 3 gian điểm, điểm có bệ gạch cho tuần đình ngủ để canh giữ cho làng. Những cổng làng xây dựng trong triều Nguyễn thường có “vọng lâu” (Lầu ở trên nóc cổng). Các cổng này đa phần được xây dựng bằng gạch, đá rất kiên cố. Lối vào cổng có cầu bắc qua hào nước, có những cổng được xây dựng hoành tráng như những cổng thành! Có thể lấy làng Ước Lễ huyện Thanh Oai tỉnh Hà Tây làm điển hình để minh chứng cho nhận định này.

Việc nhìn nhận cổng làng Việt Nam với ý nghĩa như trên là hoàn toàn phiến diện, bởi mỗi cổng làng có thể ví như một bông hoa tiêu biểu cho kiến trúc đặc trưng của từng thời mà cổng làng ra đời. Nhìn chung mọi cổng làng đều có hai phần chính: Phần cổng và mái cổng. Phần cổng ở hầu hết các làng đều là những vòm cuốn. Tại Xứ Đoài còn rất nhiều cổng làng (Kể cả cổng thành Sơn Tây) được xây cất bằng đá ong, một vật liệu truyền thống của vùng trung du Bắc Bộ. Các cổng này đều được bàn tay những người thợ đá tài hoa gò đẽo công phu. Đá chiết “múi cam” được “nhốt” bằng những “viên khoá” đã để lại những vòm cuốn mềm mại, duyên dáng và bền chắc làm giảm đi tính thâm nghiêm đường bệ của đá ong. Phần mái cổng hầu hết đều có “mặt bia”. Mặt bia được trang trí công phu, thường là chạy những đường “triện Tàu lá giắt”, rồi đắp nổi những con giống. Song quan trọng nhất vẫn là lòng bia, lòng bia dành để viết chữ đại tự, chữ có ý nghĩa như thế nào là biểu hiện cho hồn cốt của làng. Có những cổng chữ được khắc sâu vào vữa rồi phết lên một lớp mực Tàu đen nhánh: Như kiến đại tân, Bốn chữ này lấy trong câu Xuất môn như kiến đại tân (Ra khỏi cổng làng như đã nhìn thấy một người khách (bạn) lớn). Bước chân ra ngoài mà như thế thì quả là một sự cầu thị, dân làng này nhất định phải... vượng!

Cổng làng Tê Quả huyện Thanh Oai mặt trước có bốn chữ: Phong vân bảo hộ, mặt trong: Sơn hà sinh sắc. Cổng làng Ước Lễ – Làng làm giò chả nổi tiếng cả nước – rất mộc mạc và cụ thể với ba chữ: Ước Lễ môn (cổng làng Ước Lễ), nhưng tâm sự được dân làng gửi gắm rất thâm viễn. Khổng Tử trong một lần giảng cho học trò nói: Bác học dĩ văn, ước chi dĩ lễ. Khổng Tử ý muốn nói: Học rộng thì phải dựa vào văn (Văn hoá), học đã rộng rồi thì phải chế định (ước) bằng lễ, ấy là điều cần thiết của người học rộng. Lấy Ước Lễ đặt tên làng rồi đắp nổi đại tự trên cổng làng phải chăng đó là một quan niệm sống, một triết lý Nho giáo được tiếp nhận một cách nhuần nhị!

Có những cổng làng đề Nhân vi mỹ, lấy điều nhân làm đẹp cho đời. Ba chữ này cũng là dẫn lời Khổng Tử: Lý nhân vi mỹ, trạch bất sử nhân, yên đức trí. Làng có đức có nhân, ấy là chỗ ở tốt đẹp, lựa chọn nơi để ở mà không ở vào nơi tốt đẹp có đức có nhân ấy thì sao gọi là người có trí khôn được. Làng Phùng Xá huyện Mỹ Đức lấy chữ Trực đạo hành. Phải chăng con đường thẳng đang đi vào làng cũng là con đường mà con dân làng Phùng Xá đi vào cuộc đời... Với ý nghĩa này cổng làng được nhìn nhận như là một sản phẩm văn hoá đặc sắc của nông thôn chứ không đơn thuần là nơi đóng, mở một cách cơ học!

Làng Việt Nam là một thực thể uyển chuyển, biến đổi linh hoạt và tự hoàn thiện trong tiến trình lịch sử dân tộc. Cổng làng mở ra là mở ra cả một tinh thần, một cốt cách. Cổng làng đóng lại, bên cạnh ý nghĩa phòng thủ, tự vệ còn là việc bảo tồn, gìn giữ văn hoá làng. Làng Việt Nam là một cộng đồng công xã đóng kín. Tính đóng kín như một bản năng “tự vệ”, yếu tố này đảm bảo cho “văn hoá làng” bền vững hơn bao giờ hết.

Những năm qua chúng ta đã nhìn nhận vấn đề này (cổng làng) chưa thật sự toàn diện. Chưa có số liệu thống kê, song chắc số cổng làng còn lại trên đất nước này không nhiều. Bên cạnh nguyên nhân chiến tranh thì sự xâm hại của những “cái mới” không có chọn lọc cũng góp phần đáng kể vào việc làm biến mất rất nhiều cổng làng mà chúng ta đã có trong lịch sử. Một thời có những quan niệm cho rằng: Cổng làng là thành lũy để bảo thủ lạc hậu ẩn náu, cổng làng là nơi cản trở cuộc sống của làng trong quá trình hiện đại hoá nông thôn. Có nơi tự phá bỏ cổng làng đơn thuần chỉ vì lý do cổng nhỏ, không lọt được một chiếc xe vận tải khi vào làng. Cổng làng là không cần thiết cho cơ cấu nông thôn hôm nay... Cổng làng bị phá đi chẳng biết có đồng nghĩa với việc “cái ngưỡng” trong lòng mỗi người dân không còn nữa. Trên con đường thông thống vào làng, tất cả cứ ồ ạt không còn chọn lựa đã làm diện mạo làng quê thay đổi một cách đáng kể theo chiều hướng không có lợi.

Quả là nông thôn hôm nay không còn là nông thôn những ngày qua khi cổng làng bị phá đi. Vài chục năm trở lại đây, rất nhiều mô hình được áp vào nông thôn một cách khiên cưỡng. Chúng ta đang phải đối mặt với một nông thôn đang từng ngày từng giờ mai một đi những “thuần phong mỹ tục”, những giá trị văn hoá kết tinh qua hàng nghìn năm tồn tại và phát triển của làng quê, những giá trị quyết định bản sắc văn hoá Việt Nam đang đứng trước nguy cơ không còn đất sống. Ngày nay áp lực đô thị và cơn lốc thương trường đang đặt các giá trị văn hoá sang một bên trên con đường khẳng định mình. Chúng ta sẽ đi về đâu, đến đâu trong quá trình hội nhập mang tính toàn cầu này. Nông thôn hôm nay đang là một câu hỏi lớn đặt ra không cho riêng ai, khi nông thôn không còn là một cộng đồng làng xã mà chỉ là khu vực cư trú thuần túy của các hộ sản xuất nông nghiệp!

Trải mấy nghìn năm lịch sử, có rất nhiều cuộc di thực từ nông thôn ra thành thị. Từ làng quê ra đi, mỗi một cá nhân một hoàn cảnh, một điều kiện. Không ai giống ai, người ra chốn thị thành nơi phồn hoa đô hội mong tìm thấy cơ may “mở mày mở mặt với thiên hạ”. Kẻ ở lại làng “kiệt lương vô kế” cũng lần la đến chỗ phố phường tìm cách độ nhật sinh nhai... Có ai trong số ấy khi ra khỏi cổng làng mà không ngoảnh đầu nhìn lại, để rồi trong bước chân vô định trên con đường “tha phương cầu thực” vẫn bồi hồi nhớ về nơi ấy... Làng tôi, quê tôi...!

Làng Việt Nam định hình cũng là lúc con người khẳng định quá trình chinh phục đồng bằng với ưu thế vượt trội của việc canh tác lúa nước. Trong mệnh mông của đồng bằng châu thổ, mỗi chòm xanh là một làng, chỗ cái cây nhô cao lên là cổng làng. Cổng làng nào hầu như cũng được trồng một cây, có thể là cây đa, cây gạo hay cây si. Cây

gắn với làng nên cây nào cũng trở thành đại thụ. Làng văn hoá nên cây cũng được gắn với các huyền tích thánh thần. “Thần cây đa, ma cây gạo, cú cáo cây đề” là câu nói cửa miệng của mỗi người dân quê. Phải chăng, cái “áo thần bí” được mặc cho cây là để cây trường tồn bất tử. Vấn đề này đặt ra nhiều suy nghĩ cho việc trồng cây hôm nay. Thời hợp tác xã, trong phong trào “Trồng cây ơn Bác”, ruộng của HTX cây muốn trồng thế nào thì trồng. Nay ruộng của từng gia đình, cây ven đường không thể muốn mọc thế nào thì mọc. Lệ làng là thế, “đất chẳng dây, cây dựng sào”. Hơn nữa, cây không có thần có thánh nên chẳng làm ai sợ. Thế mới biết cái “ngưỡng” người xưa đặt đơn giản ngay ở cổng làng đã ngăn cản được rất nhiều hành động vô ý thức của con người để... Cây đi vào ca dao, cổ tích... Đi vào sâu thẳm lòng người, sống mãi trong tâm khảm của người xa xứ. Người đi khỏi làng mức độ thành đạt không giống nhau, dẫu sang dẫu hèn, ấm êm trong những căn phòng đầy đủ tiện nghi hay trần trọc trong mảnh chần đơn nơi quán trọ khi hè qua thu tới... Đêm tàn, vẫn không dẫu nỗi lòng mình rồi thổn thức nhớ về quê...

Ta về thôi

Làng ơi!

Đàn giặc xin xít cá đuôi cờ

Đầu gối tay nghe tim mình nhịp gõ

Mà không sao gỡ nổi giấc mơ làng!

(Thế Mạc)

Về với làng là về với phong tục tập quán, về với nề nếp lễ lối xưa. Làng quê ngàn năm vẫn thế, vẫn tiếng trống chèo già hội đêm xuân, vẫn tiếng sáo được cánh diều nâng bổng trong gió tháng Tám chạy dong đồng rồi vút lên trên bầu trời khoáng đạt. Vẫn lễ tết hội hè, vẫn còn nguyên đây lời ước hẹn năm nao bên gốc đa làng... Phải chăng đó là chỗ dựa vững chắc nhất mỗi khi lòng ta xao xuyến. Ta về thôi, làng ơi, nơi vẫn đợi ta về!

Tháng 10 – 2004

(Báo Văn nghệ)